

CÔNG ƯỚC
VỀ TRÁN ÁP CÁC HÀNH VI BẤT HỢP PHÁP XÂM PHẠM
AN TOÀN HÀNH TRÌNH HÀNG HẢI NĂM 1988

Ký tại Rôm ngày 10 tháng 3 năm 1988

Các quốc gia thành viên của Công ước này,

Tuân theo các mục đích và các nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc về việc duy trì hoà bình và an ninh quốc tế cũng như về việc thúc đẩy quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các quốc gia;

Thừa nhận rằng mọi người đều có quyền sống, quyền tự do và an toàn cá nhân như đã được ghi trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị;

Lo ngại sâu sắc về việc các hành vi khủng bố đang gia tăng trên toàn thế giới dưới mọi hình thức, đe dọa hoặc cướp đi sinh mạng của những người vô tội, huỷ hoại các quyền tự do cơ bản và làm suy giảm nghiêm trọng phẩm giá con người;

Xét thấy các hành vi bất hợp pháp xâm phạm an toàn hành trình hàng hải đe dọa sự an toàn của các cá nhân và tài sản, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của dịch vụ hàng hải và làm giảm lòng tin của các dân tộc trên thế giới về an toàn hành trình hàng hải;

Cho rằng việc các hành vi nói trên xảy ra là một vấn đề gây lo ngại sâu sắc cho toàn thể cộng đồng quốc tế;

Nhận thức rõ sự cấp bách phải tăng cường hợp tác quốc tế giữa các quốc gia trong việc tìm ra và thực hiện các biện pháp hữu hiệu và thực tế để ngăn chặn mọi hành vi bất hợp pháp xâm phạm an toàn hành trình hàng hải và truy tố, trừng trị những người phạm tội;

Nhắc lại Nghị quyết số 40/61 ngày 09 tháng 12 năm 1985 của Đại hội đồng Liên hợp quốc, trong đó bên cạnh những vấn đề khác “kêu gọi tất cả các quốc gia đơn phương hoặc hợp tác với các quốc gia khác cũng như các tổ chức có liên quan của Liên hợp quốc, góp phần vào việc xoá bỏ dần những nguyên nhân sâu xa của chủ nghĩa khủng bố quốc tế và có sự quan tâm đặc biệt đến tất cả các tình huống có thể kích động chủ nghĩa khủng bố và có thể làm nguy hại đến hoà bình và an ninh quốc tế, kể cả chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và các tình huống liên quan đến các vi phạm hàng loạt và trắng trợn nhân quyền, các quyền tự do cơ bản, tình huống liên quan đến việc chiếm đóng của các thế lực bên ngoài”;

Cũng nhắc lại rằng Nghị quyết số 40/61 “kịch liệt lên án tất cả các hành vi, phương thức và hình thức của chủ nghĩa khủng bố, coi đó là những hành vi phạm

tội, cho dù xảy ra ở nơi nào và do ai thực hiện, kể cả những hành vi làm phương hại đến quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia và an ninh của các quốc gia đó”.

Đồng thời nhắc lại rằng theo Nghị quyết số 40/61, Tổ chức hàng hải quốc tế được mời “nghiên cứu vấn đề khủng bố trên tàu biển hoặc đối với tàu biển với mục đích đưa ra các khuyến nghị về các biện pháp thích hợp”;

Tuân thủ Nghị quyết A.584 (14) ngày 20 tháng 11 năm 1985 của Hội đồng Tổ chức hàng hải quốc tế đã kêu gọi đề ra biện pháp để ngăn chặn những hành vi bất hợp pháp đe dọa an toàn tàu biển và an ninh của hành khách, thuyền viên trên các tàu biển đó;

Lưu ý rằng các hành vi của thuyền viên thuộc kỷ luật lao động thông thường trên tàu biển không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước này;

Khẳng định sự cần thiết phải giám sát các quy tắc và tiêu chuẩn về phòng ngừa và kiểm soát những hành vi bất hợp pháp đối với tàu biển và những người trên tàu biển nhằm cập nhật những quy tắc và tiêu chuẩn đó khi cần thiết, với mục đích đó, hài lòng ghi nhận các biện pháp phòng ngừa hành vi bất hợp pháp đối với hành khách và thuyền viên trên tàu biển được Ủy ban an toàn hàng hải của Tổ chức hàng hải quốc tế khuyến nghị;

Tiếp tục khẳng định rằng những vấn đề không được Công ước này điều chỉnh phải tiếp tục chịu sự điều chỉnh của các quy định và nguyên tắc chung của pháp luật quốc tế;

Thừa nhận sự cần thiết đối với tất cả các quốc gia trong việc nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định và nguyên tắc chung của pháp luật quốc tế trong đấu tranh với những hành vi bất hợp pháp xâm phạm an toàn hành trình hàng hải,

Đã thoả thuận như sau:

Điều 1

Vì các mục đích của Công ước này, “tàu biển” là bất kỳ loại tàu, thuyền nào không thường xuyên gắn liền với đáy biển, kể cả tàu động lực học, tàu ngầm hoặc bất kỳ loại phương tiện nổi trên mặt nước nào khác.

Điều 2

1. Công ước này không áp dụng đối với:
 - a) Tàu chiến, hoặc
 - b) Tàu biển do một quốc gia sở hữu hoặc hành và được sử dụng như một phương tiện hỗ trợ hải quân hoặc sử dụng cho mục đích hải quân hoặc cảnh sát, hoặc
 - c) Tàu biển đã được rút khỏi hoạt động hàng hải hoặc ngưng vận hành.

2. Không có quy định nào trong Công ước này có thể làm ảnh hưởng đến các quyền miễn trừ của các tàu chiến và tàu biển của Nhà nước hoạt động không vì mục đích thương mại.

Điều 3

1. Một người bị coi là phạm một tội nếu người đó cố ý thực hiện một cách bất hợp pháp một trong các hành vi sau đây:

a) Bắt giữ hoặc kiểm soát một tàu biển bằng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực hoặc các hình thức đe dọa khác; hoặc

b) Thực hiện hành vi bạo lực đối với người trên tàu biển nếu hành vi đó có khả năng đe dọa an toàn hành trình hàng hải của tàu biển đó; hoặc

c) Phá huỷ tàu biển hoặc làm hư hại tàu biển hoặc hàng hoá của tàu biển, dẫn đến khả năng làm nguy hại đến an toàn hành trình hàng hải của tàu biển đó; hoặc

d) Đặt hoặc chỉ đạo việc đặt trên tàu biển, dưới bất kỳ hình thức nào thiết bị hoặc chất có khả năng phá huỷ tàu biển đó hoặc gây thiệt hại cho tàu hoặc hàng hoá dẫn đến nguy hiểm hoặc có khả năng đe dọa an toàn hành trình của tàu biển đó; hoặc

e) Phá huỷ hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng đến các thiết bị hành trình hàng hải hoặc can thiệp nghiêm trọng đến sự vận hành của các thiết bị đó, dẫn đến khả năng đe dọa an toàn hành trình hàng hải của tàu biển; hoặc

f) Trao đổi các thông tin người đó biết là giả, làm nguy hại đến an toàn hành trình hàng hải của tàu biển; hoặc

g) Làm bị thương hoặc giết bất kỳ người nào mà việc này liên quan đến việc thực hiện hoặc ý đồ thực hiện bất kỳ một tội phạm nào được nêu từ điểm a đến điểm f.

2. Một người cũng bị coi là thực hiện một tội phạm nếu người đó:

a) Có ý đồ thực hiện bất kỳ tội phạm nào được nói tại khoản 1; hoặc

b) Xúi giục một người thực hiện bất kỳ tội phạm nào được nói tại khoản 1 hoặc là đồng phạm với một người đã thực hiện một tội phạm như vậy; hoặc

c) Đe dọa, có điều kiện hoặc không có điều kiện, theo quy định của pháp luật quốc gia, với mục đích buộc một thể nhân hoặc pháp nhân làm hoặc không làm bất kỳ hành vi nào, kể thực hiện một tội phạm được nói tại các điểm b, c và e khoản 1, nếu sự đe dọa đó có khả năng gây nguy hiểm cho hành trình an toàn của tàu biển có liên quan.

Điều 4

1. Công ước này được áp dụng nếu tàu biển đang hành trình hoặc có kế hoạch hành trình vào, qua hoặc từ những vùng nước ở bên ngoài ranh giới ngoài của lãnh hải một quốc gia hoặc bên ngoài ranh giới lãnh hải của quốc gia đó với quốc gia lân cận.

2. Trong những trường hợp Công ước không được áp dụng theo quy định của khoản 1, Công ước vẫn sẽ được áp dụng khi người phạm tội hoặc người bị coi là phạm tội được phát hiện trong lãnh thổ của một quốc gia thành viên không phải là những quốc gia đã được đề cập ở khoản 1.

Điều 5

Mỗi quốc gia thành viên phải trừng trị bằng các hình phạt thích hợp các tội phạm được nói tại Điều 3, có tính đến tính chất nghiêm trọng của tội phạm.

Điều 6

1. Mỗi quốc gia thành viên phải được thực hiện những biện pháp cần thiết để xác lập quyền tài phán của mình đối với các tội phạm được nói tại Điều 3 khi:

a) Tội phạm được thực hiện nhằm chống lại hoặc ở trên tàu biển treo cờ của quốc gia đó tại thời điểm tội phạm được thực hiện; hoặc

b) Tội phạm được thực hiện trong lãnh thổ của quốc gia đó, bao gồm cả lãnh hải của quốc gia đó; hoặc

c) Tội phạm do công dân của quốc gia đó thực hiện.

2. Một quốc gia thành viên cũng có thể xác lập quyền tài phán đối với một tội phạm như vậy, nếu:

a) Tội phạm do người không có quốc tịch thường trú tại quốc gia đó thực hiện;

b) Công dân của quốc gia đó bị bắt giữ, đe dọa, bị thương hoặc bị giết khi tội phạm được thực hiện; hoặc

c) Tội phạm được thực hiện nhằm ép buộc quốc gia đó phải thực hiện hoặc không được thực hiện bất kỳ hành vi nào.

3. Bất kỳ quốc gia thành viên nào đã xác lập quyền tài phán được đề cập tại khoản 2 phải thông báo cho Tổng Thư ký của Tổ chức hàng hải quốc tế (sau đây gọi là “Tổng thư ký”). Nếu sau này, quốc gia thành viên đó từ bỏ quyền tài phán nói trên, thì quốc gia thành viên đó phải thông báo cho Tổng Thư ký.

4. Mỗi quốc gia thành viên phải thực hiện những biện pháp cần thiết để xác lập quyền tài phán của mình đối với những tội phạm được nói tại Điều 3 trong những trường hợp khi người bị coi là phạm tội có mặt trong lãnh thổ của quốc gia

thành viên đó và quốc gia đó không dẫn độ người này đến bất kỳ một quốc gia thành viên nào đã xác lập quyền tài phán của họ theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.

5. Công ước này không loại trừ bất kỳ quyền tài phán về hình sự nào được thực hiện phù hợp với pháp luật quốc gia.

Điều 7

1. Khi nhận thấy hoàn cảnh cho phép, bất kỳ một quốc gia thành viên nào, phù hợp với pháp luật của quốc gia mình, phải tiến hành việc tạm giam người phạm tội hoặc người bị coi là phạm tội đang có mặt trên lãnh thổ của mình hoặc áp dụng những biện pháp khác, để bảo đảm sự có mặt của người đó với thời hạn cần thiết để có thể tiến hành các thủ tục tố tụng hình sự hoặc dẫn độ.

2. Quốc gia đó phải tiến hành ngay việc điều tra sơ bộ những tình tiết của vụ việc phù hợp với pháp luật của quốc gia đó.

3. Bất kỳ người nào bị áp dụng các biện pháp nói tại khoản 1 phải có quyền:

a) Được liên lạc không chậm trễ với đại diện thích hợp gần nhất của quốc gia mà người đó là công dân hoặc có quyền thiết lập việc liên lạc như vậy theo những quy định khác, hoặc quốc gia nơi người đó thường trú, nếu người đó là người không có quốc tịch;

b) Được đại diện của quốc gia nói trên đến thăm.

4. Các quyền được quy định tại khoản 3 phải được thực hiện phù hợp với pháp luật và các quy định của quốc gia mà trên lãnh thổ quốc gia đó người phạm tội hoặc người bị coi là phạm tội đang có mặt, với điều kiện là pháp luật và các quy định này phải tạo điều kiện cho việc thực hiện đầy đủ các quy định của những quyền quy định tại khoản 3.

5. Khi một quốc gia thành viên tạm giam người theo quy định của Điều này, quốc gia đó phải thông báo ngay lập tức cho những quốc gia đã xác lập quyền tài phán theo khoản 1 Điều 6 và những quốc gia liên quan khác, nếu quốc gia đó cho là cần thiết, về việc người đó bị tạm giam và những hoàn cảnh dẫn đến việc tạm giam người đó. Quốc gia đã tiến hành việc điều tra sơ bộ theo quy định tại khoản 2 Điều này phải thông báo ngay lập tức những kết quả thu được cho những quốc gia nêu trên và phải chỉ rõ việc quốc gia đó có định thực hiện quyền tài phán hay không.

Điều 8

1. Thuyền trưởng tàu biển của quốc gia thành viên (quốc gia tàu biển treo cờ) có thể giao cho cơ quan có thẩm quyền của bất kỳ quốc gia thành viên nào khác

(quốc gia tiếp nhận) bất kỳ người nào nếu thuyền trưởng có cơ sở hợp lý để cho rằng người đó đã thực hiện một trong những tội phạm được nói tại Điều 3.

2. Quốc gia tàu biển treo cờ phải bảo đảm rằng thuyền trưởng tàu biển của quốc gia mình có nghĩa vụ thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của quốc gia tiếp nhận về ý định giao bất kỳ người nào đang ở trên tàu biển theo quy định của khoản 1 cũng như lý do của việc giao người vào bất kỳ thời điểm có thể thực hiện được việc này và nếu có thể thì trước khi tàu đi vào lãnh hải của quốc gia tiếp nhận.

3. Quốc gia tiếp nhận phải tiếp nhận việc giao, trừ khi có cơ sở để cho rằng Công ước này không áp dụng đối với các hành vi dẫn đến việc giao và sẽ được thực hiện theo các thủ tục của Điều 7. Bất kỳ sự từ chối tiếp nhận nào đều phải kèm theo công bố về lý do từ chối.

4. Quốc gia tàu biển treo cờ phải bảo đảm rằng thuyền trưởng tàu biển của mình có nghĩa vụ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền của quốc gia tiếp nhận những bằng chứng thuyền trưởng hiện có liên quan đến tội phạm tình nghi.

5. Về phần mình, quốc gia tiếp nhận khi chấp nhận việc giao người theo quy định tại khoản 3 có thể yêu cầu quốc gia tàu biển treo cờ chấp nhận giao người đó. Quốc gia tàu biển treo cờ phải xem xét yêu cầu như vậy và nếu chấp nhận yêu cầu đó thì phải tiến hành theo quy định của Điều 7. Trong trường hợp từ chối yêu cầu đó, quốc gia tàu biển treo cờ thông báo cho quốc gia tiếp nhận lý do từ chối.

Điều 9

Không quy định nào trong Công ước này làm ảnh hưởng bất kỳ cách nào đến các quy tắc của pháp luật quốc tế liên quan đến thẩm quyền của các quốc gia trong việc tiến hành chức năng điều tra hoặc cưỡng chế thi hành trên các tàu biển không treo cờ quốc gia đó.

Điều 10

1. Nếu một quốc gia thành viên không dẫn độ người phạm tội hoặc người bị coi là phạm tội bị phát hiện trong lãnh thổ của mình, trong các trường hợp áp dụng theo Điều 6, thì quốc gia đó có nghĩa vụ chuyển vụ việc một cách không chậm trễ cho cơ quan có thẩm quyền của quốc gia đó với mục đích truy tố, theo thủ tục tố tụng phù hợp với pháp luật của quốc gia đó mà không có ngoại lệ nào, bất kể tội phạm đã được thực hiện tại lãnh thổ của quốc gia đó hoặc không. Các cơ quan có thẩm quyền này phải ra quyết định theo đúng cách thức như trong trường hợp đối với bất kỳ tội phạm nào khác có tính chất nghiêm trọng theo pháp luật của quốc gia đó.

2. Đối với bất kỳ người nào bị tiến hành thủ tục tố tụng có liên quan đến một trong những tội phạm được nói tại Điều 3 đều phải được bảo đảm sự đối xử công bằng trong mọi giai đoạn của quá trình tố tụng, kể cả việc được hưởng tất cả các quyền và các bảo đảm do pháp luật của quốc gia nơi người đó đang hiện diện quy định cho quá trình tố tụng này.

Điều 11

1. Những tội phạm nói tại Điều 3 có thể được coi là những tội phạm có thể bị dẫn độ theo các điều ước về dẫn độ hiện hành có giữa các quốc gia thành viên, Các quốc gia thành viên phải liệt kê những tội phạm trên là những tội phạm được dẫn độ trong tất cả các điều ước về dẫn độ sẽ được ký kết giữa các quốc gia thành viên.

2. Nếu một quốc gia thành viên đòi hỏi việc dẫn độ phải dựa trên cơ sở điều ước hiện hành nhận được yêu cầu dẫn độ từ một quốc gia thành viên khác, trong khi giữa hai quốc gia này chưa có điều ước dẫn độ nào, thì quốc gia thành viên được yêu cầu dẫn độ, theo lựa chọn của mình, có thể coi Công ước này là cơ sở pháp lý cho việc dẫn độ đối với các tội phạm nói tại Điều 3. Việc dẫn độ phải chiếu theo các điều kiện khác được quy định trong pháp luật của quốc gia thành viên được yêu cầu dẫn độ.

3. Những quốc gia thành viên, nếu không đòi hỏi việc dẫn độ phải dựa trên cơ sở điều ước hiện hành, phải công nhận các tội phạm nói tại Điều 3 là những tội phạm có thể bị dẫn độ giữa các quốc gia đó với nhau, chiếu theo những điều kiện được quy định trong pháp luật của quốc gia được yêu cầu dẫn độ.

4. Nếu cần thiết, nhằm mục đích dẫn độ giữa các quốc gia thành viên, những tội phạm được nói tại Điều 3 phải không chỉ được coi là được thực hiện tại địa điểm tội phạm xảy ra mà còn được coi là được thực hiện tại địa điểm thuộc quyền tài phán của quốc gia thành viên yêu cầu dẫn độ.

5. Nếu một quốc gia thành viên nhận được hơn một yêu cầu dẫn độ từ các quốc gia đã xác lập quyền tài phán theo Điều 7 và quyết định không truy tố, thì quốc gia đó, khi chọn quốc gia nơi người phạm tội hoặc người bị coi là phạm tội được dẫn độ đến, phải cân nhắc đầy đủ lợi ích và trách nhiệm của quốc gia thành viên có cơ được tàu biển treo và thời điểm tội phạm được thực hiện.

6. Khi xem xét yêu cầu dẫn độ người bị coi là phạm tội theo Công ước này, quốc gia được yêu cầu dẫn độ phải cân nhắc kỹ những quyền nói tại khoản 3 Điều 7 có thể bị ảnh hưởng hoặc không tại quốc gia yêu cầu dẫn độ.

7. Đối với các tội phạm như đã được xác định trong Công ước này, các quy định trong các điều ước và các dàn xếp về dẫn độ được áp dụng giữa các quốc gia

thành viên phải được các quốc gia thành viên sửa đổi chừng nào các quy định không phù hợp với Công ước này.

Điều 12

1. Các quốc gia thành viên phải dành cho nhau sự hỗ trợ tối đa trong việc thực hiện các thủ tục tố tụng hình sự đối với các tội phạm được nói tại Điều 3, kể cả việc trợ giúp để có được những chứng cứ mà các quốc gia đó có sẵn, cần thiết cho các thủ tục tố tụng đó.

2. Các quốc gia thành viên phải được thực hiện những nghĩa vụ tại khoản 1 phù hợp với các điều ước về tương trợ lẫn nhau có thể có giữa các quốc gia. Trong trường hợp không tồn tại các điều ước đó, thì những quốc gia thành viên phải hỗ trợ lẫn nhau phù hợp với pháp luật của quốc gia đó.

Điều 13

1. Các quốc gia thành viên phải hợp tác phòng ngừa các tội phạm quy định tại Điều 3, đặc biệt là:

a) Thực hiện tất cả các biện pháp khả thi để ngăn ngừa trong lãnh thổ của mỗi quốc gia việc chuẩn bị thực hiện tội phạm ở trong hoặc ngoài lãnh thổ của các quốc gia đó;

b) Trao đổi thông tin phù hợp với pháp luật của các quốc gia và phối hợp các biện pháp hành chính cũng như các biện pháp khác được coi là thích hợp để ngăn ngừa việc thực hiện những tội phạm nói tại Điều 3.

2. Trong trường hợp hành chính của tàu biển bị chậm trễ hoặc gián đoạn do việc thực hiện tội phạm nói tại Điều 3, bất kỳ một quốc gia thành viên nào có lãnh thổ là nơi tàu biển, hành khách hoặc thuyền viên của tàu hiện diện sẽ phải áp dụng mọi biện pháp có thể để tránh cho tàu biển, hành khách, thuyền viên hoặc hàng hoá bị lưu giữ hoặc chậm trễ một cách bất hợp lý.

Điều 14

Khi có lý do để cho rằng tội phạm nói tại Điều 3 sẽ được thực hiện, bất kỳ quốc gia thành viên nào phù hợp với pháp luật của quốc gia đó, phải cung cấp nhanh nhất có thể được, những thông tin liên quan đang có cho các quốc gia mà quốc gia đó tin là đã xác lập quyền tài phán theo Điều 6.

Điều 15

1. Mỗi quốc gia thành viên, phù hợp với pháp luật của quốc gia mình, phải gửi cho Tổng Thư ký sớm nhất có thể được những thông tin liên quan mà quốc gia đó đang có về:

- a) Các tình tiết của tội phạm;
- b) Các hành vi được thực hiện theo khoản 2 Điều 13;
- c) Các biện pháp được thực hiện đối với những tội phạm hoặc người bị coi là phạm tội và đặc biệt là kết quả của thủ tục dẫn độ hoặc thủ tục pháp lý khác.

2. Quốc gia thành viên, nơi người phạm tội bị truy tố, theo pháp luật của quốc gia mình, phải thông báo kết quả tố tụng cuối cùng cho Tổng Thư ký.

3. Các thông tin được gửi phù hợp với khoản 1 và khoản 2 phải được Tổng Thư ký gửi đến tất cả các quốc gia thành viên, các thành viên của Tổ chức hàng hải quốc tế (sau đây gọi là “Tổ chức”), các quốc gia có liên quan khác và gửi đến các tổ chức quốc tế liên chính phủ thích hợp.

Điều 16

1. Bất kỳ tranh chấp nào giữa hai hoặc nhiều quốc gia thành viên liên quan đến việc giải thích hoặc áp dụng Công ước này nếu không thể giải quyết được thông qua đàm phán trong một thời gian hợp lý, thì theo yêu cầu của một trong số các quốc gia đó, phải được đưa ra giải quyết tại Trọng tài. Nếu trong thời gian sáu tháng, kể từ ngày gửi yêu cầu giải quyết bằng Trọng tài mà các bên không thoả thuận được về tổ chức Trọng tài, thì một bên tranh chấp bất kỳ có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp tại Toà án quốc tế theo đúng Quy chế của Toà án quốc tế.

2. Mỗi quốc gia vào thời điểm ký hoặc phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt Công ước này vào thời điểm gia nhập Công ước có thể tuyên bố quốc gia đó không chịu sự ràng buộc của một phần hoặc toàn bộ quy định tại khoản 1. Các quốc gia thành viên khác sẽ không chịu sự ràng buộc của các quy định đó trong mối quan hệ với quốc gia đã đưa ra bảo lưu như vậy.

3. Bất kỳ quốc gia nào đã tuyên bố bảo lưu theo khoản 1 có thể rút bảo lưu đó bất kỳ lúc nào bằng cách thông báo cho Tổng Thư ký.

Điều 17

1. Công ước này được mở ký tại Rôm ngày 10 tháng 01 năm 1988 cho các quốc gia tham gia Hội nghị quốc tế về trừng trị những hành vi chống lại an toàn hành trình hàng hải và được mở ký tại trụ sở của Tổ chức cho tất cả cá quốc gia từ ngày 14 tháng 3 năm 1988 đến ngày 09 tháng 3 năm 1989. Sau thời gian này, Công ước sẽ tiếp tục được mở cho việc gia nhập.

2. Các quốc gia có thể biểu thị sự đồng ý chịu sự ràng buộc của Công ước này bằng việc:

- a) Ký không bảo lưu đối với việc phê chuẩn, chấp nhận hoặc phê duyệt; hoặc
- b) Ký nhưng phải được phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt và sau đó thực hiện việc phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt; hoặc
- c) Gia nhập.

3. Việc phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập phải được thực hiện bằng cách nộp văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập cho Tổng Thư ký.

Điều 18

1. Công ước này sẽ có hiệu lực sau chín mươi ngày kể từ ngày có mười lăm quốc gia đã đăng ký không bảo lưu việc phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt, hoặc đã nộp văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập Công ước.

2. Đối với quốc gia lưu chiếu văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập Công ước sau khi những điều kiện để Công ước có hiệu lực đã được đáp ứng thì việc phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập đó sẽ có hiệu lực sau chín mươi ngày kể từ ngày nộp văn kiện đó.

Điều 19

1. Bất kỳ quốc gia thành viên nào đều có thể rút khỏi Công ước này vào bất kỳ thời điểm nào sau một năm kể từ ngày Công ước có hiệu lực đối với quốc gia đó.

2. Việc rút khỏi Công ước phải được thực hiện bằng cách nộp một văn kiện rút khỏi cho Tổng Thư ký.

3. Việc rút khỏi sẽ có hiệu lực sau một năm hoặc thời gian lâu hơn tùy thuộc vào quy định cụ thể trong văn kiện rút khỏi, kể từ ngày Tổng Thư ký nhận được văn kiện.

Điều 20

1. Một hội nghị với mục đích sửa đổi hoặc bổ sung Công ước này có thể được tổ chức triệu tập.

2. Tổng Thư ký phải triệu tập một hội nghị các quốc gia thành viên của Công ước này để sửa đổi hoặc bổ sung Công ước theo yêu cầu của một phần ba số quốc gia thành viên hoặc mười quốc gia thành viên, tùy theo con số nào lớn hơn.

3. Bất kỳ văn kiện nào về việc phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập Công ước được nộp sau ngày sửa đổi của Công ước có hiệu lực, thì sẽ được coi là được áp dụng đối với Công ước là đã được sửa đổi.

Điều 21

1. Công ước này phải do Tổng Thư ký lưu chiểu.
2. Tổng Thư ký phải:
 - a) Thông báo cho tất cả các quốc gia đã ký hoặc đã gia nhập Công ước và tất cả các thành viên của Tổ chức, về:
 - a1. Việc ký hoặc nộp văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập cùng với ngày việc đó được tiến hành;
 - a2. Ngày Công ước này có hiệu lực;
 - a3. Việc nộp bất kỳ văn kiện nào về việc rút khỏi Công ước này cùng với ngày nhận văn kiện đó và ngày việc rút khỏi có hiệu lực;
 - a4. Việc nhận được bất kỳ tuyên bố hoặc thông báo nào được đưa ra theo Công ước này.
 - b) Chuyển bản sao có chứng nhận của Công ước này cho những quốc gia đã đăng ký hoặc gia nhập Công ước.
3. Ngay sau khi Công ước này có hiệu lực, cơ quan lưu chiểu phải gửi bản sao có chứng thực cho Tổng Thư ký Liên hợp quốc để đăng ký và công bố phù hợp với Điều 102 của Hiến chương Liên hợp quốc.

Điều 22

Bản gốc của Công ước này được làm bằng tiếng A-rập, tiếng Trung, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Tây Ban Nha, các bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

Để làm bằng, những người ký tên dưới đây, được Nhà nước của mình uỷ quyền hợp lệ, đã ký Công ước này.

Làm tại Rôm ngày 10 tháng 3 năm 1988.